

Ngày thi: 11/12/2013

TÍNH CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
1	168222769	HỒ XUÂN ANH	T16XDCB	9			5		5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
2	168222770	TRỊNH QUANG BỘ	T16XDCB	10			5		5			6	6.3	Sáu phẩy Ba		
3	168222771	HỒ THANH CAO	T16XDCB	7			5		5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
4	168222772	BÙI LỘNG CHUÔNG	T16XDCB	10			5.5		5.5			7	7.0	Bảy		
5	168222773	PHẠM VĂN ĐẠI	T16XDCB	7			5		5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
6	168222774	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	T16XDCB	9			5		5			7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
7	168222775	NGUYỄN HÒA ĐÔNG	T16XDCB	9			5		5		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn			
8	168222776	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	T16XDCB	8			5		5		6.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
9	168222777	HỒ SỸ HÙNG	T16XDCB	10			5		5		7	6.9	Sáu phẩy Chín			
10	168222778	DƯƠNG CÔNG LÝ	T16XDCB	0			0		0		HP	0.0	Không			
11	168222779	PHAN VĂN MINH	T16XDCB	8			5		5		7	6.6	Sáu phẩy Sáu			
12	168222780	LÊ ĐỨC NAM	T16XDCB	10			5		5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu			
13	168222781	LƯU MINH NGẠN	T16XDCB	8			5		5		6	6.0	Sáu			
14	168222782	PHẠM VĂN TẶNG	T16XDCB	10			5		5		7	6.9	Sáu phẩy Chín			
15	168222783	MAI THANH THÁI	T16XDCB	9			5		5		7	6.7	Sáu phẩy Bảy			
16	168222784	TRẦN CÔNG THẮNG	T16XDCB	10			5		5		7	6.9	Sáu phẩy Chín			
17	168222785	LÊ TẤN THANH	T16XDCB	9			5		5		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn			
18	168222787	LÊ MẬU THÌNH	T16XDCB	7			5		5		6.5	6.1	Sáu phẩy Một			
19	168222790	NGUYỄN VĂN TUYỀN	T16XDCB	10			5		5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu			
20	168222791	PHAN QUỐC VIỆT	T16XDCB	9			5		5		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn			
21	168222792	VÕ QUANG VINH	T16XDCB	5			5		5		6.5	5.8	Năm phẩy Tám			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	95%	
2	Số sinh viên nợ	1	5%	
TỔNG CỘNG :		21	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân